| Use case ID |  |
| --- | --- |
| Use case name | Chọn món của KH |
| Description | Là 1 khách hàng, tôi muốn chọn món thích hợp |
| Actors | Khách hàng |
| Priority |  |
| Triggers | Khách hàng thực hiện chức năng Chọn món |
| Pre-conditions | * Mã QR phải được tạo sẵn * Khách hàng cần phải quét mã QR * Khách hàng phải chọn món |
| Post-conditions | * Khách hàng chọn được món * Thông tin hóa đơn được lưu trong hệ thống |
| Main flow | 1. Khách hàng quét mã QR để chọn món 2. Hệ thống xác nhận và hiển thị menu 3. Khách hàng chọn món 4. Hệ thống thêm món vào giỏ hàng 5. Khách hàng vào giỏ hàng 6. Hệ thống hiển thị giỏ hàng 7. Khách hàng xem lại giỏ hàng 8. Khách hàng nhấn nút “Đặt đơn” 9. Hệ thống ghi nhận và hiển thị đơn hàng 10. Khách hàng chờ món |
| Alternative flows | 1a. Khách hàng chọn món tại quầy  7a. Khách hàng có thể điều chỉnh đơn hàng |
| Exception flows | 8a. Nếu tổng đơn hàng = 0, hiển thị thông báo “ Không có đồ uống trong giỏ hàng, vui lòng chọn món “ và kết thúc |
| Business rules | * Số lượng món trong 1 hóa đơn phải >= 1 |